

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 6 – 2026

Về việc ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Tuấn

2. Ông Trần Ngọc Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 275/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh ngày 02/01/1982.

Số căn cước công dân: 095182005738, cấp ngày 10/5/2021.

Địa chỉ: Ấp Ninh T, xã Ninh Q, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Lê Quốc V, sinh ngày 01/01/1979

Số căn cước công dân: 095079003356.

Địa chỉ: Ấp Ninh T, xã Ninh Q, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2026 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày: Chị và anh Lê Quốc V chung sống vợ chồng từ năm 1998, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, nhưng trong quá trình chung sống chị

và anh V có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, cuộc sống chung không hạnh phúc, từ năm 2015 chị và anh V đã ly thân từ đó cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có ba người con chung là cháu Lê Văn Mừng, sinh ngày 07/3/2000 (đã chết do bệnh), cháu Lê Nhật T, sinh ngày 04/10/2003 và cháu Lê Chí T1, sinh ngày 16/11/2008. Cháu Lê Nhật Tới đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đồng ý cho anh Lê Quốc V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Chí T1, chị không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu Thanh đang sống chung với anh V. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị D và anh Lê Quốc V là vợ chồng. Về con chung, giao cháu Lê Chí T1, sinh ngày 16/11/2008 cho anh Lê Quốc V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, chị D phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Quốc V. Khi khởi kiện, anh Lê Quốc V trú tại ấp Ninh T, xã Ninh Q A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp Ninh T, xã Ninh Q, tỉnh Cà Mau). Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp cho người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Anh Lê Quốc V đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị Phạm Thị D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt chị D và anh V.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, chị D và anh V có đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng chị D và anh V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998 và đã có ba người con chung mà không đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa bà chị D và anh V là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị D yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh V.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị D và anh V có 03 người con chung là cháu Lê Văn Mừng, sinh ngày 07/3/2000 (đã chết do bệnh), cháu Lê Nhật Tới, sinh ngày 04/10/2003 và cháu Lê Chí T1, sinh ngày 16/11/2008, hiện cháu Tới đã trưởng thành, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Chị D đồng ý cho anh Lê Quốc V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thanh, chị D không cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Quốc V đã được Tòa án thông báo về yêu cầu của chị D nhưng anh V không có ý kiến về yêu cầu của chị D. Xét thấy, từ khi ly thân, anh V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Chí T1; cháu T1 được chăm sóc tốt và được tạo điều kiện phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống ổn định và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu Lê Chí Thanh, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cho anh Lê Quốc V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Chí T1, sinh ngày 16/11/2008. Chị Phạm Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Phạm Thị D phải chịu 300.000 đồng. Chị Phạm Thị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0005463 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu.

[8] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tổ tụng hành chính, Luật tư pháp cho người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Thị D và anh Lê Quốc V là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Chí T1, sinh ngày 16/11/2008 cho anh Lê Quốc V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Chị Phạm Thị D phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Phạm Thị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0005463 ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nên được chuyển thu. Anh Lê Quốc V không phải chịu án phí.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 9 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào

